TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **592**/2024/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3, Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn thụ lý số: ***/2024/TLST-HNGĐ ngày ** tháng ** năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Trương T, sinh năm 1992

CCCD số 001092033***, cấp ngày 19/4/2021, do Cục QLHC về TTXH cấp.

Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: A H, phường K, quận T, thành phố Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị Phương T1, sinh năm 1997

CCCD số 001197015225, cấp ngày 11/9/2024 do Bộ C1 cấp.

Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: A H, phường K, quận T, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương T và bà Nguyễn Thị Phương T1 cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Ông Trương T và bà Nguyễn Thị Phương T1 xác nhận có 01 con chung là cháu Trương Minh D, sinh ngày 13/04/2022. Ông, bà thỏa thuận sau khi ly hôn, giao con chung là cháu D cho mẹ là bà Nguyễn Thị Phương T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trương T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Nguyễn Thị Phương T1 số tiền 4.000.000đ/tháng (Bốn triệu đồng/01 tháng), kể từ khi ly hôn đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Ông T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được ngăn cản.

1.3. Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản), nợ chung: Ông Trương T và bà Nguyễn Thị Phương T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về các vấn đề khác: Ông Trương T và bà Nguyễn Thị Phương T1 không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề gì khác.

2. Về lệ phí: Ông Trương T và bà Nguyễn Thị Phương T1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0036*** ngày **/**/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN
Thẩm phán

Lê Thị Thu Hường